

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-
ST

Ngày 10 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Hoà
- Ông Đào Xuân Thuỷ

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số I ngõ A, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I ngõ A, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại A5, Lán 14, trại tạm giam Công an tỉnh Q, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 10 năm 2024, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đào Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống có lúc hòa thuận, hạnh phúc, có lúc không. Nguyên nhân chị xin ly hôn là do năm 2012 anh Nguyễn Văn T bị bắt do liên quan đến ma túy và bị kết án tử hình, giam giữ đến nay đã 12 năm, chị rất mệt mỏi, không chờ đợi được. Mỗi khi đi thăm gặp chị cũng trao đổi về việc ly hôn, anh Nguyễn Văn T cũng đồng ý, do vậy nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung sinh đôi là cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1, cùng sinh ngày 22 tháng 3 năm 2007, hiện đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng.

Chị và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn T khai: Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đào Thị Y vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh vi phạm pháp luật và bị kết án tử hình, nay anh đồng ý ly hôn với chị Đào Thị Y. Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1, sinh cùng ngày 22 tháng 3 năm 2007 như chị Đào Thị Y đã khai, anh không có yêu cầu gì về con chung và không có thu nhập. Từ khi chung sống với nhau đến nay anh và chị Đào Thị Y không có tài sản chung và không có nợ chung.

Do anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại trại giam và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Đào Thị Y có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và cũng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký tại phiên tòa. Các đương sự đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Y; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 cho chị Đào Thị Y có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đào Thị Y không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Đào Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự. Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại A5, Lán 14, trại tạm giam Công an tỉnh Q, nên Tòa án đã thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn qua trại giam và anh Nguyễn Văn T đã cung cấp bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt có xác nhận của trại giam gửi về cho Tòa án; nguyên đơn chị Đào Thị Y có đơn đề nghị không hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy chị Đào Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Văn T trước khi đi chấp hành án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển số 01, đăng ký ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do đó hôn nhân giữa chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên do anh Nguyễn Văn T vi phạm pháp luật, bị kết án tử hình và bị giam tù năm 2012 đến nay, chị Đào Thị Y xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Bản thân anh Nguyễn Văn T cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh vi phạm pháp luật, bị kết án tử hình, nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đào Thị Y. Như vậy xác định, từ khi anh Nguyễn Văn T bị bắt giam đến nay đã được 12 năm, việc duy trì tiếp mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T là không có hiệu quả, không có tương lai, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Đào Thị Y yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị Đào Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T đều khẳng định có 02 người con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1, sinh cùng ngày 22 tháng 3 năm 2007. Chị Đào Thị Y yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của chị Đào Thị Y là có căn cứ, bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện cũng không có điều kiện để nuôi con và cấp

dưỡng nuôi con. Nên chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Y, giao 02 con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 cho chị Đào Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đào Thị Y không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T đều khẳng định không có tài sản chung và không nợ chung, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Y được chấp nhận nên chị Đào Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Y, xử cho chị Đào Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1, cùng sinh ngày 22 tháng 3 năm 2007 cho chị Đào Thị Y có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị Đào Thị Y không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí chị Đào Thị Y phải nộp được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Đào Thị Y đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000432 ngày 25/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Đào Thị Y đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt nên cả hai có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Hoàng Thị Thanh